

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ  
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HS-ST

Ngày: 23-5-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thu Đông

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hiền và ông Nguyễn Thái Duy

**- Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

**Phạm Văn N**, sinh ngày x tháng x năm xxxx, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ N, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Nguyễn Thị H, có 01 con sinh năm xxxx; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh, hiện tại ngoại, có mặt.

**- Bị hại:** Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C

Địa chỉ: phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thu H - công chức địa chính, xây dựng, đô thị và môi trường phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Người tham gia tố tụng khác:**

**Người chứng kiến:** ông Nguyễn Thanh M và ông Lại Văn L, đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn N thường đi qua khu tái định cư tại tổ B, khu D, phường C, thành phố C nên biết tại đây chưa có người ở, cơ sở hạ tầng là các tủ điện biến áp (do Ủy ban nhân dân phường C được giao quản lý) chưa đưa vào hoạt động, không có người trông coi, cánh cửa không khoá, chưa đấu nối điện nên nảy sinh ý định cắt trộm dây cáp điện bên trong để bán lõi đồng lấy tiền ăn tiêu. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 31/10/2023, N mượn xe ô tô tải biển kiểm soát (viết tắt là BKS) 14C-xxx.xx của bố để là ông Phạm Văn D. N mang theo kìm, dao rọc giấy, gang tay, bao tải rồi đi đến

khu vực trên. N thấy không có người qua lại, đã mở cánh cửa tủ hạ thế 1.000 KVA (trạm điện biến áp 630KVA mã số máy 210816-912) rồi đeo găng tay, dùng dao, kìm để cắt đứt 01 đoạn dây cáp điện có ký hiệu “450/750 V CU/PVC 70°C 1Cx95”, dài 1,7 mét, gắn với 01 đầu cốt. N cắt vào bao tải, để lên thùng xe ô tô. N tiếp tục bóc vỏ cao su để cắt 02 đoạn dây cáp điện ký hiệu “06/1KV CU/XLPE/PVC - 240 SQMM 100290036 \* 1220204Z” dài 1,2 mét gắn với 02 đầu cốt còn lại. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, tổ công tác Công an phường Cẩm Bình tuần tra đã phát hiện hành vi trộm cắp của N, thu giữ vật chứng: xe ô tô BKS 14C-315.36; 01 đôi găng tay; 01 kìm cầm tay; 01 dao rọc giấy; 01 bao tải kích thước 60x100cm; 01 điện thoại di động Nokia 2660 có gắn 02 sim; 01 đoạn dây cáp điện dài 1,7 mét. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ của ông D giấy đăng ký xe ô tô BKS 14C-xxx.xx.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 56 ngày 07/12/2023, số 71 ngày 05/4/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong tổ tụng thành phố C, kết luận:

Giá trị 02 đoạn dây cáp điện ký hiệu “06/1KV CU/XLPE/PVC - 240 SQMM 100290036 \* 1220204Z” chiều dài 1,2m là 1.862.000 đồng.

Giá trị 01 đoạn dây cáp điện ký hiệu “450/750 V CU/PVC 70°C 1Cx95” chiều dài 1,7m là 515.000 đồng.

Giá trị 02 đầu cốt M240mm<sup>2</sup> là 186.000 đồng. Giá trị 01 đầu cốt M95mm<sup>2</sup> là 27.000 đồng. Tổng giá trị là 2.590.000 đồng.

Đối với các tài sản bị cáo trộm cắp, tại biên bản làm việc ngày 18/3/2024 giữa Ủy ban nhân dân phường C - Công an thành phố - Điện lực thành phố - Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố C, xác định phải thay thế các đoạn dây cáp điện có gắn đầu cốt và chi phí nhân công lắp đặt sửa chữa.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 76 ngày ngày 10/4/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong tổ tụng thành phố C kết luận: giá trị thiệt hại vật tư thay thế và chi phí lắp đặt sửa chữa 01 dây cáp điện ký hiệu “06/1KV CU/XLPE/PVC - 240 SQMM 100290036 \* 1220204Z” là 4.562.000 đồng; 01 dây cáp ký hiệu “450/750 V CU/PVC 70°C 1Cx95” là 1.783.000 đồng, tổng cộng là 6.345.000 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Văn N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Ngoài ra N còn khai: đây là lần đầu N đi trộm cắp tài sản, khi mở cửa tủ hạ thế (cánh cửa không khoá) đã thấy có 02 dây bị cắt cũ, N không cắt và không biết ai cắt. Khi mượn xe ô tô của bố, N không nói cho bố biết dùng xe đi trộm cắp tài sản.

Người đại diện hợp pháp của bị hại trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt có lời khai, quan điểm thể hiện: đối với tài sản bị trộm cắp là các đoạn dây điện đã bị N cắt, không còn giá trị sử dụng nên không nhận lại, yêu cầu bị cáo bồi thường: trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.590.000 đồng; chi phí vật tư thay thế và lắp đặt sửa chữa là 6.345.000 đồng, tổng cộng là 8.935.000 đồng, theo các kết luận định giá của Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong tổ tụng thành phố C; về phần hình phạt đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Người chứng kiến ông Lại Văn L và ông Nguyễn Thanh M có lời trình bày thể hiện việc chứng kiến cơ quan Công an tiến hành các thủ tục tố tụng thu giữ, niêm phong vật chứng của Phạm Văn N phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 55/CT-VKSCP ngày 26/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp các đoạn dây cáp điện trong tủ hạ thế 1000KVA do Ủy ban nhân dân phường Cẩm Bình quản lý, như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại và đã tự nguyện nộp đầy đủ số tiền bồi thường tại cơ quan thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 8.935.000 đồng, bị cáo đã tự nguyện nộp đầy đủ số tiền bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy: 01 găng tay, 01 kìm cầm tay, 01 dao rọc giấy, 01 bao tải, 01 đoạn dây cáp điện dài 1,7m; trả lại bị cáo 01 điện thoại kèm 02 sim.

Bị cáo không tranh luận, tại lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn nhận tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản và bản ảnh khám nghiệm hiện trường; kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng thành phố C; phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã được làm rõ tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: khoảng 22 giờ ngày 31/10/2023, tại tổ B, khu D, phường Cẩm B, thành phố C, Phạm Văn N đã có hành vi cắt trộm 03 đoạn dây cáp điện có gắn với 03 đầu cốt, trong tủ hạ thế 1000KVA do Ủy ban nhân dân phường C quản lý, trị giá tài sản trộm cắp là 2.590.000 đồng.

Vậy nên việc truy tố đối với bị cáo như nội dung bản Cáo trạng số: 55/CT-VKSCP ngày 26/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, là hoàn toàn có căn cứ, đúng người đúng tội, với tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng do bản tính tham lam, tư lợi, lười lao động nên đã thực hiện hành vi trộm cắp 03 đoạn dây cáp điện có gắn với 03 đầu cốt trong tủ hạ thế 1000KVA của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Bình, để lấy tiền ăn tiêu. Do đó, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, ông ngoại bị cáo có công với nước, được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét nhân thân, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo thấy: bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt không đáng kể, nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà cho cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có việc làm, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị hại có quan điểm yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt trị giá 2.590.000 đồng; chi phí vật tư thay thế và lắp đặt sửa chữa khắc phục thiệt hại là 6.345.000 đồng, tổng số tiền là 8.935.000 đồng. Bị cáo chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của bị hại và đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Xét việc bồi thường giữa bị cáo và bị hại là phù hợp, nên chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: 01 găng tay, 01 kìm cầm tay, 01 dao rọc giấy, 01 bao tải (đều đã cũ), là các công cụ bị cáo dùng để trộm cắp tài sản, dùng vào việc phạm tội; 01 đoạn dây cáp điện dài 1,7m là tài sản bị cáo trộm cắp của bị hại, bị hại có quan điểm đã yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá của tài sản, hiện không còn giá trị sử dụng, không nhận lại nên đều tịch thu, tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2660, màu đen kèm 02 chiếc sim, là phương tiện liên lạc cá nhân của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội, nên trả lại bị cáo.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với phần án phí dân sự: bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên toà thì không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Quá trình điều tra xác định ông D không biết việc N mượn xe ô tô BKS 14C-xxx.xx để đi trộm cắp tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã trả xe ô tô và đăng ký xe ô tô BKS 14C-xxx.xx cho ông D, ông D không có ý kiến gì nên không đề cập.

Đối với các dây cáp điện khác có dấu vết bị cắt đứt cũ trong trạm biến áp 630KVA, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với 01 đĩa DVD-R lưu trữ nội dung ghi hình có âm thanh lời khai của Phạm Văn N ngày 09/4/2024 (không đánh số bút lục). Xét thấy nội dung trong đĩa DVD là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Phạm Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn N cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo Phạm Văn N.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Bị cáo Phạm Văn N phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân phường Cẩm Bình, thành phố C số tiền 8.935.000đ (tám triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp tại: 01 (một) biên bản giao nhận tài sản số 20/2024/BBBG-CQCSĐT CATPCP ngày 05/02/2024 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố C và Kho bạc nhà nước C (tình trạng tài sản theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 112/BB-THA, ngày 21/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Quảng Ninh); 01 (một) biên lai thu tiền số 0001279 ngày

22/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C (bị cáo đã bồi thường đủ).

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đôi găng tay, 01 (một) kìm cầm tay, 01 (một) dao rọc giấy, 01 (một) bao tải kích thước 60x100cm, bên trong không chứa gì (đều đã cũ); 01 (một) đoạn dây cáp điện dài 1,7m, có vỏ cao su màu xanh vàng có in chữ “450/750V Cv/pVC70°C 1Cx95 SQMM GOLDCUP WIRE7CABLE”.

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2660, màu đen. Điện thoại đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong; 02 (hai) chiếc sim (không xác định số sim) trên sim 1 có 4 dãy số: 8984, 04800, 09174, 06482, trên sim 2 có dãy số: 8401, 1903, 5036, 0124 (điện thoại, sim thu giữ của Phạm Văn N).

*(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 112/BB-THA, ngày 21/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Quảng Ninh).*

Căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án xử công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- CCTHADS thành phố C;
- Bị cáo; bị hại;
- CQCSĐT Công an thành phố C;
- CQTHAHS Công an thành phố C;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Thu Đông**

